TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HSST
Ngày 28/9/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Quyết.

Ông Quàng Văn Mầng.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

VTV, sinh năm 1979, tại TB, ML, SL; Nơi ĐKHKTT: BM, xã TB, huyện ML, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Cà Thị S, sinh 1963; có chồng là Vì Văn S đã chết, có một con sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2020; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Cầm Trọng Thủy, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý nhà nước, tỉnh SL. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị VTB, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2000, địa chỉ: Bản NN, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị VTC, địa chỉ: Bản PT, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh HPV, địa chỉ: Thôn KV, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh LS. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **VTV** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện ML truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2016 VTV, năm 1979, cư trú: BM, xã TB, huyện ML, tỉnh SL quen biết Lò Thị Lai, sinh năm 1993, cư trú: Bản Buôi, xã TB, huyện ML, tỉnh SL, được Lò Thị Lai dẫn sang Trung Quốc lấy chồng tên Cảu (không rõ địa chỉ). Lò Thị Lai nói với VTV về quê xem có ai khó khăn mang sang Trung Quốc lấy chồng, được thì có 6000 CNY (Nhân dân tệ). Lò Thị Lai lấy 1000 CNY, còn VTV được 5000 CNY. VTV đồng ý, đến giữa tháng 6/2016 về nước, khoảng cuối tháng 6/2016 gọi điện thoại cho cháu VTB, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2000, địa chỉ: Bản NN, xã MC, huyện ML, tỉnh SL, đang làm thuê cho quán phở ở thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL (hai người có quan hệ họ hàng VTB gọi bị cáo là thím). VTV nói dối là sang Trung Quốc làm thuê lương cao hơn, đến ngày 22/6/2016 VTB đến nhà VTV, ngày 23/6/2016 hai người đi xe khách xuống Hà Nội, sau đó đi xe khách đến Móng Cái, Quảng Ninh, sáng ngày 24/6/2016 hai người đi đường tiểu nghạch sang Trung Quốc. Có người đàn ông Trung Quốc tên Cảu (nói là chồng VTV) đón hai người bằng xe máy về nhà ở khoảng 3, 4 ngày. Sau đó đưa sang nhà Lò Thị Lai chơi khoảng 3, 4 ngày. Lúc này Lò Thị Lai nói với VTV về việc bán VTB cho người Trung Quốc làm vợ, giá là 6000 CNY, VTV đồng ý, không ai nói cho VTB biết. Khoảng ba ngày sau Lò Thị Lai dẫn người đàn ông Trung Quốc (tên Khang, không biết địa chỉ), hai bên nhất trí thỏa thuận giá 6000 CNY, bốn ngày sau VTV dẫn VTB đến nhà Khang, một tuần sau Lò Thị Lai mang đến đưa cho VTV 6000 CNY, như đã thỏa thuận VTV đưa cho Lò Thị Lai 1000 CNY, đưa cho Cảu 1000 CNY (do đã cho ăn, ở, mua quần áo cho VTB), VTV giữ lại 1000 CNY, còn 3000 CNY về đổi sang tiền việt được 10.000.000, đồng đem về đưa cho VTC, địa chỉ bản PT, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL (là chị gái VTB) nói dối là tiền lương ứng trước của VTB gửi về. Khoảng 20 ngày sau khi bị bán VTB liên lạc được với VTC và biết mình bị bán. VTB sống với Khang được khoảng ba năm thì quen được anh HPV, địa chỉ: Thôn KV, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh LS sang làm thuê, VTB trốn đến ở với HPV. Đến ngày 09/01/2000 hai người về nước ở Thôn KV, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh LS. Ngày 17/5/2020 hai người về bản NN, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Ngày 18/5/2020 VTB có đơn trình báo Công an.

VTB, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2000 tính đến thời điểm VTV mang bán (ngày 23/6/2016) là 16 tuổi 3 ngày.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo VTV đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người". Với tình tiết định khung hình phạt "Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Bản cáo trạng số: 69/CT-VKSML ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ML, tỉnh SL truy tố bị cáo: VTV về tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d "Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố VTV phạm tội "Mua bán người".

Căn cứ d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo VTV từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù;

Không phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị VTB buộc VTV phải bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần từ 03 lần đến 05 lần mức lương cơ sở hiện hành.

Buộc bị cáo VTV phải truy thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền thu lợi bất chính là 1000 CNY tỷ giá tương đương 3.382.000, VND.

Đối với khoản tiền 10.000.000, đồng mà bị cáo VTV đưa cho VTC, được xác định là số tiền thu lợi bất chính từ việc bán người mà có. Cần thu nộp ngân sách Nhà Nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố. Bị cáo, người bị hại, người bào chữa, người liên quan đều nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người bào chữa phát biểu lời bào chữa đưa ra tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người bị hại VTB, người liên quan VTC đề nghị được xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt vẫn đảm bảo quyền lợi của họ.

[2]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ML, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ML, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người

bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên toà bị cáo VTV thừa nhận: Ngày 23/6/2016 VTV đã thực hiện hành vi lừa gạt (nói rối sang Trung Quốc làm việc lương cao) đưa VTB sang Trung Quốc bán VTB, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2000, tính đến thời điểm VTV mang bán (ngày 23/6/2016) là 16 tuổi 3 ngày, để lấy 6000 CNY (sáu nghìn nhân dân tệ); 1000 CNY tỷ giá = 3.382.000, VND.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; đơn trình báo của người bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của những người liên quan, vật chứng của vụ án, kết luận giám định.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đưa VTB sang Trung Quốc bán để lấy tiền của VTV đã phạm tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d "Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với tình tiết định khung tăng nặng. Xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm danh dự của con người, do đó bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân của VTV: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Do bị cáo không có tài sản không phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị VTB buộc VTV phải bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần tối đa không quá 10 lần mức lương cơ sở hiện hành: 1.490.000, đồng/tháng x 10 = 14.490.000, đồng.

Buộc bị cáo VTV phải truy thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền thu lợi bất chính là 1000 CNY tỷ giá tương đương 3.382.000, VND.

Đối với khoản tiền 10.000.000, đồng mà bị cáo VTV đưa cho VTC, được xác định là số tiền thu lợi bất chính từ việc bán người mà có. Cần thu nộp ngân sách Nhà Nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d "Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo VTV phạm tội: "Mua bán người".

Xử phạt bị cáo VTV 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2020.

Không phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự.

Buộc VTV phải bồi thường tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị VTB là: 14.490.000, đồng (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo VTV phải truy thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền thu lợi bất chính là 1000 CNY tỷ giá tương đương 3.382.000, VND (ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Chị VTC phải nộp truy thu, nộp ngân sách Nhà Nước số tiền 10.000.000, đồng (mười triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Buộc VTV phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 724.000, đồng (bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/9/2020.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- Sở tư pháp tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Công an huyện ML;
- THAHS;
- Chi cục THA dân sự huyện ML;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn